

Số: 1547/QĐ - TĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2009/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Địa chỉ trụ sở: Số 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.8360.289

Fax: 0243.8361.199

Email: thitruong@quatest1.com.vn

Địa chỉ phòng thử nghiệm:

a) Số 8 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

b) Khu Công nghiệp Nam Thăng Long, Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Thực hiện việc **thử nghiệm** đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Danh sách sản phẩm, hàng hóa và Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng tương ứng để thử nghiệm được chỉ định theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Ng

Điều 3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thử nghiệm do mình thực hiện.

Điều 4. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Phó TCT Phụ trách Hà Minh Hiệp (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Quyết định số: 154/QĐ-TĐC ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử QCVN4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN4:2009/BKHCN	
1.1	Bàn là điện. Bao gồm: - Bàn là điện không phun hơi nước - Bàn là điện có phun hơi nước - Bàn là điện có bình chứa nước hoặc bình tạo hơi nước riêng tách rời có dung tích không lớn hơn 5 lít	Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-3:2010 (IEC 60335-2-3:2008)
1.2	Lò nướng điện, vỉ nướng điện (Dụng cụ nhiệt điện gia dụng) loại di động có khối lượng không quá 18 kg. Bao gồm: - Bếp đun dạng tấm đun (lò nướng tiếp xúc, vỉ nướng tiếp xúc) - Thiết bị kiểu vỉ nướng và tương tự (như lò quay thịt) - Lò liên bếp - Máy loại bột nước trong thực phẩm - Bếp điện - Lò di động - Lò nướng raclette - Lò nướng bức xạ - Lò quay thịt - Lò nướng có chuyển động quay - Lò nướng bánh mỳ - Lò nướng bánh xếp theo khuôn - Thiết bị đun nấu có chức năng nướng bánh	Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-9:2017 (IEC 60335-2-9:2016)
1.3	Thiết bị điện dùng để đun chất lỏng dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250V. Bao gồm: - Nồi cơm điện - Nồi nấu chậm	Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012)



Kg

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
	- Nồi nấu (luộc) trứng - Nồi hấp - Ấm sắc thuốc - Bếp đun dạng tấm đun (Chảo điện) - Nồi áp suất có áp suất nấu danh định không quá 140 kPa và dung tích danh định không vượt quá 10 lít - Thiết bị pha cà phê - Ấm đun nước - Các thiết bị khác dùng để đun sôi nước, có dung tích danh định không quá 10 lít (bao gồm cả phích đun nước, bình đun nước, ca đun nước) - Thiết bị đun nóng chai chứa thức ăn - Thiết bị đun sữa - Thiết bị đun làm sữa chua - Nồi giặt - Bình thủy điện	 Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-15:2013 (IEC 60335-2-15:2012)
1.4	<i>Dụng cụ điện đun nước và chứa nước nóng (Bình đun nước nóng có dự trữ) dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, được thiết kế để đun nước nóng đến nhiệt độ thấp hơn độ sôi của nước, có điện áp danh định không lớn hơn 250V đối với thiết bị một pha và 480V đối với các thiết bị khác. Bao gồm:</i> - Bình đun nước nóng có dự trữ dùng trong gia dụng - Thiết bị làm nóng lạnh nước có dự trữ (kể cả có bộ phận lọc nước) - Máy lọc và làm nóng lạnh nước uống dùng trong gia đình công suất lọc không quá 500 lít/giờ - Máy làm nóng lạnh nước uống - Máy làm nóng lạnh nước uống có buồng chứa làm lạnh đồ uống dùng trong gia đình.	Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-21:2013 (IEC 60335-2-21:2012)
1.5	<i>Thiết bị điện dùng để chăm sóc da hoặc tóc cho con người hoặc động vật, dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250V. Bao gồm:</i> - Máy sấy tóc	Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-23:2013 (IEC 60335-2-23:2012)



STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
	- Lược uốn tóc; Kẹp uốn tóc; Lô uốn tóc có thiết bị gia nhiệt tách rời; Thiết bị gia nhiệt dùng cho phương tiện uốn tóc tháo rời được; Thiết bị tạo nếp tóc lâu dài; Máy hấp tóc (sử dụng hơi nước hấp tóc); Máy là tóc - Máy sấy làm khô tay	
1.6	Lò vi sóng. Bao gồm: - Lò vi sóng - Lò vi sóng kết hợp	Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-25:2007 (IEC 60335-2-25:2005)
1.7	Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời (Bình đun nước nóng nhanh) dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự, được thiết kế để đun nước nóng đến nhiệt độ thấp hơn độ sôi của nước, có điện áp danh định không lớn hơn 250V đối với thiết bị một pha và 480V đối với các thiết bị khác. Bao gồm: - Bình đun nước nóng nhanh (Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời) dùng trong gia dụng - Các thiết bị, dụng cụ đun nước nóng tức thời khác dùng trong gia dụng và các mục đích tương tự (như vòi có bộ phận đun nước nóng nhanh)	Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-35:2013 (IEC 60335-2-35:2012)
1.8	Dụng cụ điện đun nước nóng kiểu nhúng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không lớn hơn 250 V. Bao gồm: Que đun điện	Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-74:2010 (IEC 60335-2-74:2009)
1.9	Quạt điện dùng trong gia đình và các mục đích tương tự, có điện áp danh định không vượt quá 250V đối với quạt điện một pha và 480 V đối với quạt điện khác, có động cơ điện gắn liền với công suất không quá 125W. Bao gồm: - Quạt bàn - Quạt treo tường - Quạt đứng - Quạt thông gió dùng điện một pha - Quạt có ống dẫn dùng điện một pha - Quạt sàn - Quạt trần	Các phép thử theo tiêu chuẩn TCVN 5699-2-80:2007 (IEC 60335-2-80:2005)



kg

STT	Tên hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn áp dụng
	- Quạt tháp (dạng hình tháp) - Quạt không cánh (bên ngoài) - Quạt hộp có lắp ắc quy, quạt tích điện sử dụng năng lượng điện và năng lượng mặt trời	
1.10	Dây và cáp điện. Bao gồm: Dây và cáp điện hạ áp (không bao gồm dây và cáp điện có điện áp dưới 50V và trên 1000V)	Phép thử theo các tiêu chuẩn về dây và cáp điện có cấp điện áp danh định từ 50V đến 1000V
2	Xăng, nhiên liệu diesel và nhiên liệu sinh học	
2.1	Xăng không chì	QCVN 1:2015/BKHCN và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN
2.2	Xăng không chì pha ethanol	
2.3	Nhiên liệu diesel (diesel)	
2.4	Nhiên liệu diesel (diesel) B5	
2.5	Nhiên liệu diesel sinh học gốc (B 100) và các hỗn hợp của chúng	
2.6	Etanol nhiên liệu biến tính/không biến tính - Etanol nhiên liệu không biến tính - Etanol nhiên liệu biến tính	
3	Khí dầu mỏ dạng hóa lỏng (LPG)	
3.1	Propan	QCVN 8:2019/BKHCN
3.2	Butan	
3.3	Hỗn hợp Propan và Butan	
4	Dầu nhờn động cơ đốt trong	QCVN 14:2018/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN
5	Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy	QCVN 2:2021/BKHCN

kg